

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - P1

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lâm Thị Ngọc Huệ;
- Bà Phạm Ngọc Mai;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Mộng Cẩm T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 612, ấp 4, xã P.Đ, huyện C, tỉnh L, có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Trần Phương P, sinh năm: 1982 Địa chỉ: Số 612, ấp 4, xã P.Đ, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Mộng Cẩm T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Vợ chồng bà T tổ chức đám cưới năm 2018. Trước khi tiến tới hôn nhân, bà T và ông P có tìm hiểu nhau 06 năm. Vợ chồng bà có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P.Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87/2006 ngày 26/7/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống P1 đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng lẫn tài chính gia đình. Ông P đánh bạc gây nợ nần, không có trách nhiệm với vợ con. Bà T phải trả nợ đánh bạc thay cho ông P nhiều lần. Vợ chồng đã sống ly thân 01 năm nay. Bà T nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân với ông P nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Lê P1, sinh ngày 15/8/2007 và Trần Lê P2, sinh ngày 11/01/2012. Hiện nay hai con chung đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa, bà T trình bày bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần P P. Ông P không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của bà T và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Mộng Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần P P có nơi cư trú tại ấp 4, xã P.Đ, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Trần P P Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Mộng Cẩm T và ông Trần P P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87/2006 ngày 26/7/2006, nên xác định hôn nhân của vợ chồng bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà T, vợ chồng chung sống P1 đến năm 2015. Mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng lẫn tài chính gia đình. Ông P đánh bạc gây nợ nần, không có trách nhiệm với vợ con. Bà T phải trả nợ đánh bạc thay cho ông P nhiều lần. Vợ chồng đã sống ly thân 01 năm nay. Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Còn về phía ông P, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho ông P, nhưng ông P không đến Tòa án tham gia hòa giải, không trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, không đưa ra P án đoàn tụ. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông P không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông P.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Lê P1, sinh ngày 15/8/2007 và Trần Lê P2, sinh ngày 11/01/2012. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy hai con chung đều có nguyện vọng muốn được sống với mẹ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cho bà T nuôi dưỡng hai cháu P1 và P2.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có, ông P không có ý kiến gì về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Mộng Cẩm T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Mộng Cẩm T về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Trần Phương P;

1. Về hôn nhân: Bà Lê Mộng Cẩm T được ly hôn với ông Trần Phương P.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Lê Mộng Cẩm T nuôi dưỡng con chung tên Trần Lê P1, sinh ngày 15/8/2007 và Trần Lê P2, sinh ngày 11/01/2012. Ông Trần P P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Lê Mộng Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0005567 ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Chi cục T hành án Dân sự huyện C sang án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án Dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật T hành án Dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã P.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Võ Thu Xuân

